

Số: 484/QĐ-CĐSP.TW-ĐTKH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp năm 2025 – đợt 1
Trình độ Cao đẳng – Hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-BGDĐT ngày 25/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3 thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng Sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-CĐSP.TW-ĐT ngày 11/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-CĐSP.TW-ĐT ngày 01/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định đào tạo cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-CĐSP.TW-ĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 483/QĐ-CĐSP.TW-ĐT ngày 01/10/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, hệ chính quy, ngành Giáo dục Mầm non theo hệ thống tín chỉ tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ biên bản ngày 02/7/2025 của Hội đồng xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp năm 2025 – Đợt 1 trình độ cao đẳng – Hình thức đào tạo chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo, Khoa học và Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp năm 2025 – đợt 1 cho 500 sinh viên trình độ cao đẳng – Hình thức đào tạo chính quy theo hệ thống tín chỉ cụ thể như sau:

1. Ngành Giáo dục mầm non : 499
2. Các khóa trước (tất cả các ngành): 1

(Danh sách sinh viên được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp kèm theo)



Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh sinh viên, Trưởng các Khoa và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Phòng KT, TT & ĐBCL
- Lưu VT, ĐTKH.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Nguyễn Nguyên Bình



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2025 - ĐỢT 1
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY
NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON & NGÀNH KHÁC - KHÓA ĐÀO TẠO: 35 & CÁC KHÓA TRƯỚC

(Kèm theo Quyết định số.....4.84...../QĐ- CDSPTW - ĐTKH, ngày.....07.....tháng.....7.....năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTC 1	Điểm GDTC 2	Điểm GDTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
1	N20	502190024	Rơ Châm The	20/03/2000	Gia Lai	A	A	B+	B		3.00	Khá
2	32A	501190324	Nguyễn Ngọc Tuyền	23/01/2001	Long An	A	A	D+	B		2.67	Khá
3	32B	501190215	Dương Thị Thanh Như	25/06/2001	TP. Hồ Chí Minh	C+	D+	C	B		2.34	Trung bình
4	32B	501190356	Trần Ngọc Huyền	25/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	C+		2.57	Khá
5	32B	501190391	Văn Thị Thảo Vy	24/05/2001	Quảng Ngãi	B+	A	B	B		2.72	Khá
6	32C	501190011	Hoàng Thị Ngọc Ánh	20/03/2001	Nam Định	B+	A	B	B		2.67	Khá
7	32D	501190307	Nguyễn Ngọc Anh Thy	05/03/2001	Long An	B+	A	B	B		2.33	Trung bình
8	32H	501190203	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	09/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	B	C+	B	B+		2.36	Trung bình
9	32H	501190322	Mai Lê Thanh Tuyền	09/02/2001	Long An	B	A	B	B		2.57	Khá
10	32I	501190238	Nguyễn Thị Cẩm Phương	10/05/2001	Bình Thuận	B	A	C+	B		2.49	Trung bình
11	K33M02	501200512	Trần Thị Thắm Quyển	13/01/2001	An Giang	B	A	C+	B+	B	2.75	Khá
12	K33M03	501200308	Trần Hà My	11/12/2002	Long An	B+	A	B+	B+	D+	2.87	Khá
13	K33M05	501200763	Trần Thị Thanh Trúc	03/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	D+	B+	B+	2.33	Trung bình
14	K33M09	501200371	Lê Thị Hồng Ngọc	20/11/2002	Bến Tre	B	A	C+	B+	D+	2.09	Trung bình
15	K33M09	501200571	Trần Thanh Thảo	22/09/2002	TP. Hồ Chí Minh	B	B	D+	B	C	2.33	Trung bình
16	K33M11	501200315	Nguyễn Bích Mỹ	22/05/2002	Bình Thuận	B	B+	C+	B	B	2.16	Trung bình
17	K33M12	501200359	Trần Thu Ngân	26/08/2002	TP. Hồ Chí Minh	A	A	B+	B+	D+	2.46	Trung bình
18	K33M13	501200306	Nguyễn Tiểu My	05/01/2002	Tiền Giang	B	A	C+	B	A	2.41	Trung bình
19	K33M14	501200410	Ngô Thị Yến Nhi	17/02/2002	Bình Phước	B	A	C+	B+	B	2.70	Khá
20	K33M15	501200767	Bá Thị Thanh Xuân	10/07/2002	Bình Thuận	B+	A	C+	B+	D+	2.37	Trung bình
21	K34M01	501200574	Võ Thạch Thảo	27/12/1999	Bình Định	B+	A	A	B+	B	3.20	Giỏi
22	K34M01	501210295	Phạm Thị Kim Kiều	17/02/2002	Quảng Ngãi	A	A	B+	B	B	2.61	Khá
23	K34M02	501210153	Nguyễn Trúc Đào	13/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	B+	B+	C+	2.84	Khá
24	K34M02	501210485	Lưu Thảo Nguyên	07/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	B	B	D+	2.62	Khá
25	K34M02	501210881	Thanh Thị Thùy Trang	30/10/2003	Bình Thuận	A	A	B+	B	D+	2.50	Khá
26	K34M02	501210917	Tạ Nguyễn Huyền Trân	08/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	C	B	D+	2.44	Trung bình
27	K34M03	501200803	Nguyễn Huỳnh Khánh Vy	05/01/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	B	B+	B+	D+	2.58	Khá

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTC 1	Điểm GDTC 2	Điểm GDTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
28	K34M03	501210327	Lê Thị Khánh Linh	05/03/2003	Đồng Nai	A	A	A	B+	C	2.70	Khá
29	K34M04	501210306	Nguyễn Trần Ngọc Lan	21/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	C+	B+	D+	2.52	Khá
30	K34M04	501210554	Nguyễn Thị Huỳnh Như	24/03/2003	Bến Tre	A	B+	D+	B+	D+	2.64	Khá
31	K34M04	501210872	Nguyễn Thị Thùy Trang	01/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	B+	C	B	B	2.51	Khá
32	K34M04	501210986	Nguyễn Trần Khánh Vy	27/06/2003	Bình Thuận	A	A	C	B+	C	2.52	Khá
33	K34M05	501210017	Lê Trâm Anh	11/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B	B	C+	2.71	Khá
34	K34M05	501210043	Tô Thị Kim Anh	07/12/1996	TP. Hồ Chí Minh	B	B	C	B	D+	2.89	Khá
35	K34M05	501210669	Lương Thị Tú Thanh	26/07/2003	Bình Thuận	A	B+	B+	B+	D+	2.76	Khá
36	K34M05	501210701	Trần Nguyễn Thu Thảo	05/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B+	B+	B	2.48	Trung bình
37	K34M06	501210845	Nguyễn Thanh Tuyền	18/07/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	C	2.37	Trung bình
38	K34M08	501210765	Huỳnh Thị Anh Thư	15/09/2002	Long An	B	B+	C+	B+	B	2.26	Trung bình
39	K34M08	501210852	Trương Sơn Tuyền	08/12/2002	Phú Yên	A	B+	C+	B+	D+	2.82	Khá
40	K34M08	501210934	Lục Anh Trí	17/09/2003	Trà Vinh	B+	B+	C	B+	C	2.57	Khá
41	K34M09	501200231	Khúc Hoàng Lan	30/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	C	A	C+	B	D+	2.59	Khá
42	K34M10	501210901	Trần Thị Ngọc Trâm	26/09/2003	Bình Định	A	A	C	B+	D+	2.40	Trung bình
43	K34M11	501210304	Võ Thị Lam	11/02/2003	Ninh Thuận	A	A	D+	B+	B	2.88	Khá
44	K34M11	501210580	Lê Phương Uyên	03/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	D+	2.36	Trung bình
45	K34M11	501210941	Nguyễn Trần Nhã Trúc	03/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	C+	B+	D+	2.37	Trung bình
46	K34M12	501210359	Phan Thị Thảo Loan	26/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	B	B+	D+	2.48	Trung bình
47	K34M13	501200427	Trương Thị Quỳnh Nhi	30/11/2002	Đồng Nai	B+	A	C+	B+	C	2.83	Khá
48	K34M13	501210833	Bá Thị Minh Tinh	26/01/2003	Bình Thuận	A	A	C+	B+	C	2.41	Trung bình
49	K34M13	501210974	Lê Hạ Vy	02/08/2003	Lâm Đồng	A	A	B	B+	D+	2.62	Khá
50	K34M14	501200479	Nguyễn Nhật Uyên	07/01/2002	Bình Thuận	A	A	B+	B+	D+	2.71	Khá
51	K34M15	501210331	Lựu Nữ Huyền Linh	04/02/2003	Bình Thuận	B+	B+	D+	B+	D+	2.38	Trung bình
52	K34M15	501210465	Mai Thị Thanh Ngoan	11/12/2002	Long An	A	B+	B	B+	B	2.73	Khá
53	K34M15	501210476	Nguyễn Thị Kim Ngọc	10/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	B+	C	B+	A	2.53	Khá
54	K34M16	501210597	Lưu Thị Mỹ Phi	01/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	B	C+	B+	D+	2.38	Trung bình
55	K34M16	501210732	Huỳnh Nữ Hoa Thơm	05/09/2003	Bình Thuận	B+	A	C	B+	D+	2.60	Khá
56	K35M01	501220001	Nguyễn Minh Ái	16/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	B+	A	C+	3.71	Xuất sắc
57	K35M01	501220012	Nguyễn Mai Phương Anh	22/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	B	B	B+	D+	2.58	Khá
58	K35M01	501220013	Huỳnh Trúc Anh	18/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	B	B	B+	B+	2.65	Khá
59	K35M01	501220037	Phạm Thị Ngọc Ánh	01/10/2004	Bến Tre	A	A	B	B+	D+	2.60	Khá
60	K35M01	501220049	Nguyễn Hoàng Châu	09/04/2004	Bến Tre	A	B+	C+	B+	B	2.79	Khá
61	K35M01	501220061	Nguyễn Thị Kiều Diễm	29/05/2004	Quảng Ngãi	A	B	B+	B+	D+	3.12	Khá
62	K35M01	501220076	Nguyễn Thị Mỹ Dung	30/12/2004	Bến Tre	C+	B+	B	B+	B+	3.23	Giỏi
63	K35M01	501220097	Nguyễn Thị Thu Hà	17/07/2002	Gia Lai	B	A	B+	B+	B	2.66	Khá
64	K35M01	501220109	Nguyễn Gia Hân	15/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B	B	B+	D+	2.71	Khá
65	K35M01	501220118	Trương Thị Ngọc Hân	08/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B	B	B+	D+	2.98	Khá
66	K35M01	501220121	Bùi Thị Thuý Hằng	12/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	B	B	B+	D+	2.49	Trung bình

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTC 1	Điểm GDTC 2	Điểm GDTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
67	K35M01	501220133	Lê Thị Hồng Hạnh	14/01/2004	Bình Thuận	B+	B+	C+	B+	B+	2.97	Khá
68	K35M01	501220157	Võ Thị Mỹ Hoàn	01/02/2003	Quảng Nam	B+	B+	A	B+	A	3.19	Khá
69	K35M01	501220169	Phạm Thụy Thiên Hương	25/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	C+	B	B	B+	D+	2.59	Khá
70	K35M01	501220193	Phạm Thị Lan	24/01/2004	Bình Thuận	A	A	B+	B+	B	2.64	Khá
71	K35M01	501220205	Nguyễn Ngọc Thuý Linh	04/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B+	B+	B	3.34	Giỏi
72	K35M01	501220217	Trần Thị Thuý Linh	06/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	A	A	B	B+	C	3.04	Khá
73	K35M01	501220229	Phan Thị Huyền Linh	20/06/2004	Hà Tĩnh	B+	B+	C	B+	D+	2.25	Trung bình
74	K35M01	501220265	Trần Thuận Trà My	13/07/2003	Bình Thuận	B	B	C+	B+	D+	2.55	Khá
75	K35M01	501220289	Nguyễn Thị Bích Ngân	02/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B	B+	C	3.05	Khá
76	K35M01	501220325	Trần Hoàng Kim Ngọc	22/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	A	B+	B+	B+	C	3.25	Giỏi
77	K35M01	501220349	Võ Yến Nhi	06/09/2004	Bến Tre	A	A	B+	B+	C	3.00	Khá
78	K35M01	501220361	Lê Thị Yến Nhi	23/10/2004	Long An	A	A	B+	B+	D+	2.88	Khá
79	K35M01	501220373	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	08/01/2004	Tiền Giang	B	A	B	B+	D+	2.82	Khá
80	K35M01	501220385	Đinh Thị Quỳnh Như	20/10/2004	Bình Thuận	A	A	A	B+	D+	2.59	Khá
81	K35M01	501220409	Nguyễn Ngọc Anh Pha	28/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	B	A	B+	C	2.47	Trung bình
82	K35M01	501220416	Trần Thị Trúc Phương	18/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B+	B+	D+	3.31	Giỏi
83	K35M01	501220421	Nguyễn Dương Nhã Phương	28/12/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	C	2.86	Khá
84	K35M01	501220433	Huỳnh Nguyễn Nhật Quyên	17/04/2000	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	B	3.08	Khá
85	K35M01	501220457	H' Sân	05/10/2004	Đắk Nông	B+	A	D+	B+	D+	2.69	Khá
86	K35M01	501220469	Trương Thị Bích Tâm	28/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	B+	3.49	Giỏi
87	K35M01	501220505	Trần Thị Kim Thoa	06/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	D+	B+	C	3.04	Khá
88	K35M01	501220529	Lê Thị Anh Thư	22/05/2003	Long An	B	A	C	B+	C	2.75	Khá
89	K35M01	501220541	Nguyễn Thanh Diễm Thúy	16/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C+	B+	B	3.42	Giỏi
90	K35M01	501220553	Phạm Thị Thanh Thuý	30/09/2003	Vũng Tàu	A	A	C	B+	D+	3.20	Giỏi
91	K35M01	501220577	Nguyễn Quốc Toàn	04/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	B+	B	B+	C+	2.75	Khá
92	K35M01	501220613	Nguyễn Thùy Trang	10/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	A	B+	C+	3.21	Giỏi
93	K35M01	501220639	Trịnh Thị Thu Trúc	07/10/2004	Quảng Ngãi	B+	B+	A	B+	B	2.80	Khá
94	K35M01	501220646	Phạm Nguyễn Thanh Trúc	22/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	A	A	B	2.62	Khá
95	K35M01	501220709	Nguyễn Tường Vy	18/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B+	C+	B+	C	2.64	Khá
96	K35M02	501210013	Đoàn Thị Phương Anh	08/03/2002	Nam Định	B+	A	C+	B+	C	3.39	Giỏi
97	K35M02	501220014	Huỳnh Nguyễn Kiều Anh	06/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	B	C	B+	B	2.70	Khá
98	K35M02	501220026	Trương Nguyễn Minh Anh	13/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	B	D+	B+	B	2.94	Khá
99	K35M02	501220050	Lâm Thị Kim Chi	21/01/2003	Long An	B	B	B	B+	C	2.88	Khá
100	K35M02	501220086	Nguyễn Thùy Duyên	07/03/2004	Bình Định	A	B	C+	B+	C	2.73	Khá
101	K35M02	501220158	Đoàn Thị Cẩm Hồng	20/07/2004	Tiền Giang	B	B	C+	B+	D+	2.47	Trung bình
102	K35M02	501220242	Phạm Thị Trúc Ly	15/02/2004	Tiền Giang	C+	B	C+	B+	C	2.44	Trung bình
103	K35M02	501220324	Phạm Thị Thanh Ngọc	05/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	A	B	C+	B+	D+	2.81	Khá
104	K35M02	501220386	Trần Thị Tâm Như	07/09/2004	Sài Gòn	C+	B	C+	B+	C	2.70	Khá
105	K35M02	501220398	Nguyễn Thị Thanh Nhung	17/08/2003	Ninh Thuận	A	B	C+	B+	B	2.60	Khá

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTTC 1	Điểm GDTTC 2	Điểm GDTTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
106	K35M02	501220410	Phan Phan	20/12/2003	An Giang	B	B	B	B+	C	3.52	Giỏi
107	K35M02	501220422	Lê Uyên Phương	01/04/2004	Bình Thuận	C+	A	B+	B+	D+	2.75	Khá
108	K35M02	501220434	Phạm Thảo Quyên	18/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B+	C+	B+	D+	2.46	Trung bình
109	K35M02	501220458	Nguyễn Ngọc Thu Sang	11/11/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	A	B+	D+	B+	B	2.51	Khá
110	K35M02	501220482	Nguyễn Huỳnh Ngọc Thảo	19/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	B+	B	B+	B	3.21	Giỏi
111	K35M02	501220483	Hà Lê Thanh Thảo	08/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B+	D+	B+	C	2.73	Khá
112	K35M02	501220511	Nguyễn Thị Kim Thư	23/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B	B+	D+	2.55	Khá
113	K35M02	501220518	Võ Anh Thư	10/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	A	B+	B	2.91	Khá
114	K35M02	501220522	Phan Tuyết Minh Thư	24/06/2004	Tiền Giang	B	A	D+	B+	B	2.50	Khá
115	K35M02	501220542	Nguyễn Thị Diễm Thúy	13/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	C	A	C+	B+	D+	2.53	Khá
116	K35M02	501220564	Trần Thị Cẩm Tiên	26/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	B+	B	B+	C	2.90	Khá
117	K35M02	501220566	Huỳnh Đào Thuỷ Tiên	21/09/2002	Bình Thuận	B	A	B+	B+	C	2.65	Khá
118	K35M02	501220578	Nguyễn Hương Trà	02/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	B+	A	B+	D+	2.80	Khá
119	K35M02	501220590	Nguyễn Lê Bảo Trâm	19/02/2004	Lâm Đồng	B	A	B+	B+	B	2.70	Khá
120	K35M02	501220614	Cao Hoàng Uyên Trang	10/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B+	B+	B	2.89	Khá
121	K35M02	501220626	Lương Ngọc Kiều Trang	02/10/2004	Lâm Đồng	B+	A	A	A	B	2.76	Khá
122	K35M02	501220638	Phan Thanh Trúc	01/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B	A	B+	3.55	Giỏi
123	K35M02	501220650	Huỳnh Cẩm Tú	10/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B+	B+	B+	C	2.38	Trung bình
124	K35M02	501220674	Nguyễn Võ Hoàng Uyên	23/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	C+	2.81	Khá
125	K35M02	501220686	Lâm Thị Vui	25/06/2004	Nam Định	B	A	B	B+	B	2.37	Trung bình
126	K35M02	501220698	Lưu Triệu Vy	26/09/2004	Bến Tre	B	B+	A	B+	C	2.36	Trung bình
127	K35M02	501220722	Nguyễn Thị Yến	05/09/2004	Thanh Hóa	B+	B+	A	B+	C	3.23	Giỏi
128	K35M03	501210336	Nguyễn Ngọc Trúc Linh	29/06/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	B+	A	B	B+	B	2.81	Khá
129	K35M03	501220015	Huỳnh Thị Lan Anh	14/10/2002	TP. Hồ Chí Minh	C	A	C+	A	C	2.78	Khá
130	K35M03	501220027	Quang Huệ Anh	10/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	B	B+	B	2.71	Khá
131	K35M03	501220073	Nguyễn Thị Ngọc Dung	15/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	C+	B+	B	D+	2.89	Khá
132	K35M03	501220075	Nguyễn Huỳnh Phương Dung	23/03/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	B	A	B+	B+	D+	2.71	Khá
133	K35M03	501220093	Nguyễn Phan Quỳnh Giang	04/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	A	B+	B+	2.84	Khá
134	K35M03	501220135	Nguyễn Thị Hiền	18/06/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	C+	A	C+	B+	C	3.17	Khá
135	K35M03	501220147	Chu Thị Hiếu	25/06/2001	Bình Phước	B+	A	A	B+	A	3.39	Giỏi
136	K35M03	501220171	Nguyễn Thị Huy	23/05/2003	Bình Định	B+	A	A	B+	D+	2.98	Khá
137	K35M03	501220183	Lê Văn Khanh	02/02/2004	Bến Tre	A	A	A	B+	B	2.83	Khá
138	K35M03	501220195	Đổng Thị Lanh	10/01/2003	Ninh Thuận	B+	A	B+	B+	D+	2.85	Khá
139	K35M03	501220207	Nguyễn Thị Trúc Linh	29/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B	B+	B	2.83	Khá
140	K35M03	501220279	Nguyễn Thị Kim Ngân	10/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B	B+	B+	2.85	Khá
141	K35M03	501220291	Nguyễn Ngọc Ngân	25/12/2003	Tiền Giang	C+	A	A	B+	C	2.91	Khá
142	K35M03	501220303	Trần Thị Kim Ngân	02/12/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	B	B	D+	2.51	Khá
143	K35M03	501220331	Nguyễn Khánh Nguyên	01/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	C+	B+	D+	2.62	Khá
144	K35M03	501220339	Võ Thanh Nhã	14/11/2004	Đồng Tháp	C+	A	C+	B+	D+	2.48	Trung bình

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTC 1	Điểm GDTC 2	Điểm GDTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
145	K35M03	501220397	Trần Thị Yến Nhung	20/11/2004	Kiên Giang	B	A	C	B+	B	3.12	Khá
146	K35M03	501220399	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/06/2003	Bình Phước	B	A	B	B+	C	3.20	Giỏi
147	K35M03	501220411	Lương Thị Hồng Phấn	07/11/2004	Bình Thuận	B+	A	B	B+	C	2.67	Khá
148	K35M03	501220423	Vũ Nguyễn Thái Phương	23/10/2004	Tiền Giang	B	A	C	B+	C	2.74	Khá
149	K35M03	501220435	Ka Mỹ Quyên	15/09/2004	Lâm Đồng	B+	A	C+	B+	B	2.47	Trung bình
150	K35M03	501220447	Nguyễn Phương Quỳnh	07/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	B	2.94	Khá
151	K35M03	501220495	Lưu Thị Thanh Thảo	14/07/2003	Lâm Đồng	B+	A	C	B+	D+	2.96	Khá
152	K35M03	501220507	Võ Minh Thư	18/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B+	B+	D+	2.93	Khá
153	K35M03	501220519	Nguyễn Phạm Minh Thư	08/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	C+	2.89	Khá
154	K35M03	501220567	Nguyễn Thị Kim Tiên	30/10/2002	Đồng Nai	B+	A	C	B+	C	2.70	Khá
155	K35M03	501220579	Nguyễn Hoàng Mai Trâm	21/11/2004	Ninh Thuận	C+	A	C	B+	B	2.74	Khá
156	K35M03	501220585	Lê Nguyễn Mai Trâm	03/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	B	3.19	Khá
157	K35M03	501220591	Huỳnh Bảo Trâm	05/01/2004	Tiền Giang	B+	A	C+	B+	B	2.67	Khá
158	K35M03	501220615	Bùi Thị Thuý Trang	12/12/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	A	A	A	B+	B+	3.41	Giỏi
159	K35M03	501220627	Phùng Thụy Nguyệt Triều	10/03/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	B	2.58	Khá
160	K35M03	501220651	Phan Nguyễn Cẩm Tú	17/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	B	3.11	Khá
161	K35M03	501220673	Phạm Phương Uyên	22/05/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	A	B	2.33	Trung bình
162	K35M03	501220675	Mơ Uyên	07/07/2003	Bình Thuận	B	A	C	B+	B	2.38	Trung bình
163	K35M03	501220687	Lư Nữ Thanh Vương	17/06/2004	Bình Thuận	B	A	C	B+	B	2.68	Khá
164	K35M03	501220711	Đoàn Thị Thanh Xuân	18/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	B+	3.46	Giỏi
165	K35M03	501220733	Phan Thị Quỳnh Như	29/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	B	2.72	Khá
166	K35M04	501210279	Trần Thị Yến Hương	16/09/2002	TP. Hồ Chí Minh	A	A	A	A	C	2.72	Khá
167	K35M04	501220031	Trần Phan Hoàng Anh	02/12/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	B	C	B+	D+	2.57	Khá
168	K35M04	501220052	Nguyễn Thị Kim Chung	30/04/2003	Bình Định	B	A	A	B+	D+	2.73	Khá
169	K35M04	501220088	Lê Thị Mỹ Duyên	19/10/2004	Bến Tre	C+	A	B+	B+	D+	2.64	Khá
170	K35M04	501220112	Nguyễn Ngọc Hân	14/05/2003	Tiền Giang	B	A	B+	B+	C	2.61	Khá
171	K35M04	501220124	Phạm Thị Mỹ Hằng	01/09/2004	Long An	A	A	B	B+	B	2.22	Trung bình
172	K35M04	501220136	Phan Thị Ngọc Hiền	11/09/2004	Tiền Giang	B	A	B	B+	D+	2.50	Khá
173	K35M04	501220148	Nguyễn Thị Mộng Hiếu	04/07/1998	TP. Hồ Chí Minh	C+	B+	B+	B+	B	2.31	Trung bình
174	K35M04	501220172	Nguyễn Thị Thanh Huy	08/01/2004	Long An	B+	A	B	B+	D+	2.64	Khá
175	K35M04	501220232	Trần Kim Loan	06/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	C	2.63	Khá
176	K35M04	501220244	Nguyễn Thị Tuyết Mai	19/03/2000	Quảng Ngãi	C+	A	A	B+	C	3.18	Khá
177	K35M04	501220256	Trương Phong Hoa Mai	02/06/2004	Bình Thuận	C+	A	C	B+	B	2.40	Trung bình
178	K35M04	501220316	Phan Hoàng Bảo Ngọc	16/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	A	B+	C	3.07	Khá
179	K35M04	501220328	Nguyễn Thị Ngôn	16/03/2001	Bình Định	C+	A	B	B+	B	3.36	Giỏi
180	K35M04	501220412	Lê Ngọc Phúc	30/05/2002	TP. Hồ Chí Minh	B	A	D+	B+	C	2.74	Khá
181	K35M04	501220448	Trần Nguyễn Ngân Quỳnh	29/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C	B	D+	2.53	Khá
182	K35M04	501220460	Nguyễn Ngọc Sang	17/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C	B+	C	2.75	Khá
183	K35M04	501220484	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/01/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	C+	3.13	Khá

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTC 1	Điểm GDTC 2	Điểm GDTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
184	K35M04	501220496	Vũ Thị Thu Thảo	28/02/2004	Lâm Đồng	B	A	C	B+	B	2.70	Khá
185	K35M04	501220508	Danh Lê Anh Thư	16/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	C	3.00	Khá
186	K35M04	501220520	Phạm Thị Minh Thư	16/05/2004	Long An	B	A	D+	B+	D+	2.59	Khá
187	K35M04	501220532	Trần Cao Hoài Thương	01/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	D+	B+	C	2.73	Khá
188	K35M04	501220568	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	04/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	D+	2.36	Trung bình
189	K35M04	501220580	Lê Thị Trâm	16/02/2004	Bình Thuận	B+	A	B	B+	C+	2.68	Khá
190	K35M04	501220616	Lê Xuân Hạnh Trang	08/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	A	B+	C	3.21	Giỏi
191	K35M04	501220629	Dương Thị Lệ Trinh	10/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	D+	2.70	Khá
192	K35M04	501220640	Trần Thị Thanh Trúc	18/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C+	B+	D+	2.89	Khá
193	K35M04	501220652	Nguyễn Thụy Cẩm Tú	03/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	D+	B+	B	2.62	Khá
194	K35M04	501220664	Ngô Thị Bích Tuyền	17/11/2004	Bà Rịa - Vũng Tàu	B+	B+	B+	B+	C+	3.01	Khá
195	K35M04	501220676	Phạm Ngọc Tường Vân	16/07/1995	Tiền Giang	A	A	A	A	C	3.24	Giỏi
196	K35M04	501220688	Nguyễn Quế Lan Vy	21/08/2004	Long An	B+	A	B	B+	B+	2.80	Khá
197	K35M04	501220700	Lê Nguyễn Hải Vy	15/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B	B+	D+	2.75	Khá
198	K35M05	501220029	Chu Châu Lan Anh	22/08/2004	Thái Bình	A	B+	B+	B+	D+	3.07	Khá
199	K35M05	501220039	Hồ Ngọc Bảo	22/11/2004	Ninh Thuận	B	B+	A	B+	D+	2.84	Khá
200	K35M05	501220041	Trần Phương Bình	03/06/2003	Trà Vinh	B	A	C+	B+	C	2.79	Khá
201	K35M05	501220065	Vũ Thị Ngọc Diễm	24/09/2004	Lâm Đồng	A	B+	A	B+	B+	3.33	Giỏi
202	K35M05	501220067	Y Diễm	22/09/2004	KonTum	A	B+	B+	B+	B	2.64	Khá
203	K35M05	501220077	Nguyễn Thị Mỹ Dung	17/10/2004	Long An	A	A	A	B+	B+	2.69	Khá
204	K35M05	501220089	Phùng Mỹ Duyên	20/11/2004	Đắk Lắk	B	B	B	B+	B	2.80	Khá
205	K35M05	501220096	Đỗ Thị Ngọc Giàu	24/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B	B+	B+	D+	2.67	Khá
206	K35M05	501220104	Lê Thị Ngọc Hải	08/08/2003	Hà Tĩnh	A	B+	A	B	B	3.23	Giỏi
207	K35M05	501220125	Nguyễn Thị Hằng	07/10/2004	Bình Thuận	C+	B+	B	B+	B	2.58	Khá
208	K35M05	501220137	Nguyễn H' Thúy Hiền	05/11/2004	Đắk Nông	A	A	A	B+	D+	2.46	Trung bình
209	K35M05	501220161	Thị Xuân Huệ	22/04/2004	Bình Phước	A	B	C+	B+	D+	2.46	Trung bình
210	K35M05	501220173	Tạ Thị Ngọc Huyền	26/12/2002	Bình Thuận	B	A	B+	B+	B	2.94	Khá
211	K35M05	501220222	Nguyễn Thị Trúc Linh	13/04/2004	Long An	B	B	A	B+	C	2.45	Trung bình
212	K35M05	501220269	Nguyễn Ngọc My	02/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B	B+	C	2.56	Khá
213	K35M05	501220293	Nguyễn Hồng Kim Ngân	28/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	B	A	B+	D+	2.80	Khá
214	K35M05	501220335	Đỗ Thị Nguyệt	16/01/2003	Ninh Bình	B	B+	A	B+	D+	3.44	Giỏi
215	K35M05	501220341	Cao Mai Thanh Nhã	20/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B+	B+	C	2.81	Khá
216	K35M05	501220401	Nguyễn Thị Huyền Nhung	22/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	B	2.58	Khá
217	K35M05	501220413	Võ Thị Mỹ Phúc	13/05/2003	Đắk Lắk	B	A	D+	B+	B	3.27	Giỏi
218	K35M05	501220461	Nguyễn Thị Hồng Sen	07/11/2004	Cà Mau	B	A	B	B+	C+	2.81	Khá
219	K35M05	501220462	Võ Thị Hồng Son	09/05/2004	Bình Định	A	A	C+	B+	B	2.56	Khá
220	K35M05	501220471	Lê Thị Hồng Thắm	06/06/2003	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B	B+	C	2.76	Khá
221	K35M05	501220509	Nguyễn Anh Thư	25/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	A	A	C+	B+	C	2.63	Khá
222	K35M05	501220510	Nguyễn Huỳnh Minh Thư	10/07/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	B	B+	C	2.51	Khá

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTC 1	Điểm GDTC 2	Điểm GDTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	
223	K35M05	501220517	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	19/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C+	B+	C	2.80	Khá
224	K35M05	501220538	Phùng Thị	Thúy	22/01/1991	TP. Hải Phòng	A	A	A	B+	B	3.20	Giỏi
225	K35M05	501220545	Huỳnh Phan Trọng	Thúy	24/02/2003	Bình Dương	B+	A	D+	B+	B	2.72	Khá
226	K35M05	501220546	Ngô Thị Thanh	Thúy	18/06/2004	Đắk Nông	C+	A	B	B+	C	2.52	Khá
227	K35M05	501220557	Nguyễn Diệp Bích	Thủy	09/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	B+	3.17	Khá
228	K35M05	501220581	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	28/08/2004	Ninh Thuận	A	A	C	B+	C	2.32	Trung bình
229	K35M05	501220593	Hồ Phạm Bảo	Trân	15/09/2004	Long An	A	A	B	B+	B	2.67	Khá
230	K35M05	501220605	Lư Thị Phương	Trang	28/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B+	B+	C	2.66	Khá
231	K35M05	501220641	Bùi Thanh	Trúc	03/09/2004	Long An	C	A	D+	B+	C	2.45	Trung bình
232	K35M05	501220713	Cù Thị Như	Ý	09/09/2003	Long An	A	A	B+	B+	B	2.55	Khá
233	K35M06	501220006	Nguyễn Ngọc Khánh	An	16/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B+	B+	D+	2.80	Khá
234	K35M06	501220010	Nguyễn Quỳnh Nguyên	Ân	21/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	C	2.49	Trung bình
235	K35M06	501220018	Võ Ngọc Yến	Anh	26/08/2004	Tiền Giang	B	A	A	B+	B	2.50	Khá
236	K35M06	501220030	Tô Thị Kim	Anh	02/06/2004	Ninh Bình	B	B+	B+	B+	D+	2.87	Khá
237	K35M06	501220042	Nguyễn Thị Thanh	Bình	01/06/2002	Bình Định	A	A	B	B+	D+	2.59	Khá
238	K35M06	501220066	Nguyễn Thị	Diễm	25/10/2004	Bình Thuận	B	A	B	B+	B	2.74	Khá
239	K35M06	501220074	Nguyễn Thị Thùy	Dung	10/12/1999	Long An	A	A	A	B+	D+	3.02	Khá
240	K35M06	501220078	Nguyễn Phạm Thuý	Dung	01/12/2004	Đồng Tháp	C	B+	C	B+	D+	2.40	Trung bình
241	K35M06	501220087	Nguyễn Phan Thuý	Duyên	16/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	C+	B+	D+	2.32	Trung bình
242	K35M06	501220114	Trần Ngọc	Hân	03/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B	D+	2.98	Khá
243	K35M06	501220126	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	25/10/2003	Long An	B	A	C+	B+	D+	2.44	Trung bình
244	K35M06	501220198	Trần Thị	Liên	10/10/1993	Nghệ An	B+	A	A	A	C	3.37	Giỏi
245	K35M06	501220214	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	06/03/2003	Kiên Giang	B+	A	B+	B+	C	2.50	Khá
246	K35M06	501220215	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	27/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	C	2.82	Khá
247	K35M06	501220234	Hà Thị Ngọc	Loan	24/07/2004	Trà Vinh	B+	A	C+	B+	C	2.64	Khá
248	K35M06	501220246	Võ Thị Tuyết	Mai	07/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B+	C+	B	D+	3.12	Khá
249	K35M06	501220270	Đỗ Hà	My	21/03/2004	Bình Định	A	B+	B	B+	C	2.55	Khá
250	K35M06	501220282	Trịnh Thị Thu	Ngân	28/04/2003	Tiền Giang	C+	B+	A	B+	D+	2.99	Khá
251	K35M06	501220294	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	12/05/2004	Long An	B	B+	B	B	D+	3.09	Khá
252	K35M06	501220330	Trần Thục	Nguyên	05/12/2004	Long An	B+	A	C	B	D+	2.77	Khá
253	K35M06	501220374	Phạm Thị Quỳnh	Như	10/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C+	B+	B	2.81	Khá
254	K35M06	501220382	Lâm Tâm	Như	14/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	C+	B+	B	2.51	Khá
255	K35M06	501220390	Huỳnh Lâm	Như	15/09/2003	Quảng Ngãi	B	A	C+	B+	C	2.91	Khá
256	K35M06	501220426	Lê Hồng	Phượng	21/05/2004	Long An	B+	A	C	B+	C+	2.82	Khá
257	K35M06	501220450	Đào Mai	Quỳnh	18/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B	B+	C+	3.01	Khá
258	K35M06	501220474	Nguyễn Thị Thu	Thanh	25/05/2003	Hà Tĩnh	A	A	A	B+	C	3.37	Giỏi
259	K35M06	501220481	Lê Thị Thu	Thảo	16/09/2004	Bình Thuận	C+	A	C+	B+	C+	2.94	Khá
260	K35M06	501220486	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	04/08/2001	Bến Tre	C+	A	B+	B+	B	3.43	Giỏi
261	K35M06	501220498	Rơ Lan H'	Thì	06/04/2002	Gia Lai	C+	A	B+	B+	B	2.32	Trung bình

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTTC 1	Điểm GDTTC 2	Điểm GDTTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
262	K35M06	501220570	Hồ Thị Á Tiên	14/11/2004	Tiền Giang	A	A	B+	B+	B+	3.29	Giỏi
263	K35M06	501220606	Võ Thị Huyền Trang	02/10/2004	Bến Tre	C+	A	D+	B+	B	2.62	Khá
264	K35M06	501220630	Hồ Ngọc Trinh	19/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	C+	2.74	Khá
265	K35M06	501220654	Nguyễn Thị Kim Tuyền	14/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	A	B+	B	2.95	Khá
266	K35M06	501220666	Vũ Lê Ánh Tuyết	17/03/2004	Nghệ An	B	A	B+	B+	C	3.34	Giỏi
267	K35M06	501220690	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	11/06/2003	Vĩnh Long	A	A	A	B+	C	3.27	Giỏi
268	K35M06	501220723	Hoàng Thị Bích	01/06/2004	Hà Tĩnh	B+	B+	B+	B+	C	2.71	Khá
269	K35M06	501220725	Lê Thị Giang	30/05/2003	Thanh Hóa	A	A	B	B+	B	2.69	Khá
270	K35M06	501220726	Nguyễn Thị Hiền	15/08/2003	Đồng Nai	C	A	B+	B+	C+	2.43	Trung bình
271	K35M06	501220727	Nguyễn Hoài Hoan	16/06/2004	Gia Lai	B+	B+	B	B+	B	2.42	Trung bình
272	K35M06	501220729	Huyền Ngọc Kim Loan	07/10/2000	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	B	3.66	Xuất sắc
273	K35M06	501220730	Nguyễn Thị Ngọc Mai	11/08/2004	Thanh Hóa	C+	B+	B+	B+	B	3.17	Khá
274	K35M06	501220731	Nguyễn Thị Minh	19/04/2003	Nghệ An	A	B+	A	B+	B	3.16	Khá
275	K35M06	501220737	Lê Thị Tâm	01/01/2004	Bình Thuận	B	A	C+	B+	C	2.82	Khá
276	K35M07	501210340	Nguyễn Thị Thùy Linh	19/09/2002	Long An	A	A	C+	B+	D+	2.88	Khá
277	K35M07	501220028	Nguyễn Thị Ngọc Anh	29/09/2004	Long An	C+	A	C+	B+	D+	2.56	Khá
278	K35M07	501220055	Võ Thị Thu Cúc	08/10/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	A	B+	C+	2.71	Khá
279	K35M07	501220063	Nguyễn Thị Thúy Diễm	13/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C+	B+	B	2.88	Khá
280	K35M07	501220091	Lê Nguyễn Hương Giang	01/04/2004	Bình Định	A	A	B	B+	C+	2.88	Khá
281	K35M07	501220101	Phan Trường Giang Hà	11/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B+	B+	D+	2.71	Khá
282	K35M07	501220103	Trần Thị Hạ	01/01/2004	Quảng Ngãi	A	A	B	B+	D+	2.25	Trung bình
283	K35M07	501220115	Nguyễn Hoài Mỹ Hân	17/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	C	A	C	B+	D+	2.74	Khá
284	K35M07	501220127	Nguyễn Thị Thúy Hằng	05/08/2004	Bến Tre	C+	A	B+	B+	C	2.65	Khá
285	K35M07	501220139	Nguyễn Thị Thanh Hiền	06/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	C	B	C+	B+	D+	2.68	Khá
286	K35M07	501220151	Đặng Nguyễn Quỳnh Hoa	17/10/2004	Bến Tre	B	A	B+	B+	B	2.89	Khá
287	K35M07	501220175	Lê Thị Ngọc Huyền	20/07/2004	Lâm Đồng	C+	B+	A	B+	B	2.53	Khá
288	K35M07	501220187	Nguyễn Phi Lam	22/12/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	B+	B+	D+	2.45	Trung bình
289	K35M07	501220235	Lê Thị Kim Loan	20/11/2003	Bến Tre	C+	B	C+	B+	D+	2.52	Khá
290	K35M07	501220237	Hà Thị Trúc Luyến	04/01/2004	Bình Thuận	C+	A	C	B+	C	2.63	Khá
291	K35M07	501220240	Phạm Thị Trúc Ly	10/03/2002	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C	B+	D+	2.65	Khá
292	K35M07	501220253	Huỳnh Thị Thanh Mai	28/02/2004	Long An	C+	A	C+	B+	B	2.50	Khá
293	K35M07	501220259	Nguyễn Lâm Tiêu Minh	04/07/2003	Vĩnh Long	C	A	C+	B+	D+	2.66	Khá
294	K35M07	501220284	Trần Thị Kim Ngân	04/09/2004	Bến Tre	B	A	B	B+	C+	2.81	Khá
295	K35M07	501220295	Ngô Thị Thanh Ngân	26/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	A	A	B+	B+	C	2.73	Khá
296	K35M07	501220312	Phạm Thị Kim Ngọc	16/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	D+	2.62	Khá
297	K35M07	501220336	Lê Thị Thu Nguyệt	06/01/2004	Bến Tre	C+	A	B	B+	B	2.92	Khá
298	K35M07	501220343	Đặng Thị Thanh Nhân	25/09/2004	Quảng Bình	B+	A	C+	B+	C	2.64	Khá
299	K35M07	501220376	Nguyễn Thị Quỳnh Như	26/06/2003	Bình Thuận	B+	A	A	B+	B	2.85	Khá
300	K35M07	501220379	Nguyễn Thị Ngọc Như	18/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B	B+	B	2.79	Khá

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTC 1	Điểm GDTC 2	Điểm GDTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	
301	K35M07	501220403	Đỗ Thị Hằng	Ni	02/10/2004	Bến Tre	B	A	B+	B+	C	2.91	Khá
302	K35M07	501220419	Trần Thị Trúc	Phuong	06/05/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	D+	2.65	Khá
303	K35M07	501220427	Võ Thị Bích	Phượng	30/06/2004	Đồng Tháp	A	A	B+	B+	C	2.85	Khá
304	K35M07	501220439	Trần Thị Tiểu	Quyên	08/05/2004	Hà Tĩnh	B+	A	C+	B+	C+	2.74	Khá
305	K35M07	501220451	Nguyễn Như	Quỳnh	02/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	C+	2.85	Khá
306	K35M07	501220475	Đỗ Ngọc	Thanh	10/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	D+	2.59	Khá
307	K35M07	501220547	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	24/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	B	2.76	Khá
308	K35M07	501220559	Nguyễn Thị Vân	Thy	01/01/2004	Bình Thuận	B+	A	C	B+	D+	2.62	Khá
309	K35M07	501220583	Nguyễn Thị Thu	Trâm	11/08/2004	Bình Thuận	B+	A	C+	B+	D+	2.58	Khá
310	K35M07	501220595	Văn Nguyễn Hải	Trân	04/09/2004	Bình Thuận	A	A	B	B+	B	3.12	Khá
311	K35M07	501220607	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/11/2002	Đắk Lắk	B	A	C+	B+	C	2.52	Khá
312	K35M07	501220619	Nguyễn Thị Thùy	Trang	02/06/2004	KonTum	B+	A	A	B+	C	2.47	Trung bình
313	K35M07	501220631	Lê Thị Trúc	Trinh	23/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C	B+	D+	2.68	Khá
314	K35M07	501220643	Bùi Dương Thanh	Trúc	07/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B+	B+	B	2.98	Khá
315	K35M07	501220655	Nguyễn Lê Mỹ	Tuyền	14/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C+	B+	C	2.58	Khá
316	K35M07	501220703	Trương Huyền Bảo	Vy	16/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B	B+	C	2.75	Khá
317	K35M07	501220715	Lê Như	Ý	09/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B	B+	B	2.63	Khá
318	K35M07	501220728	Bùi Thị Mỹ	Lệ	02/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C+	B+	D+	2.45	Trung bình
319	K35M08	501210413	Nguyễn Thị Kim	Nga	09/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	A	A	C	B+	D+	2.56	Khá
320	K35M08	501210750	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	17/02/2003	Bình Thuận	A	A	B	B+	C	3.23	Giỏi
321	K35M08	501220007	Nguyễn Hứa Chi	An	14/12/2004	Long An	C+	A	A	B+	B	2.87	Khá
322	K35M08	501220032	Đào Thị Vân	Anh	15/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B+	B+	D+	2.91	Khá
323	K35M08	501220056	Võ Thiên Trang	Đài	05/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	B+	B	B+	B	3.31	Giỏi
324	K35M08	501220152	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	24/02/1999	TP. Hồ Chí Minh	B	A	A	B+	B	3.01	Khá
325	K35M08	501220164	Lữ Lê Quỳnh	Hương	17/08/2004	Bình Thuận	C+	B+	B+	B	B	2.64	Khá
326	K35M08	501220188	Phạm Út Xuân	Lan	09/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C+	A	D+	3.01	Khá
327	K35M08	501220224	Quách Thị Ý	Linh	29/11/2004	Bình Thuận	A	A	A	B+	C	2.82	Khá
328	K35M08	501220236	Phạm Thị	Lương	01/01/2003	Kiên Giang	A	A	B+	B+	C	3.24	Giỏi
329	K35M08	501220248	Lê Châu Thảo	Mai	08/11/2004	Quảng Ngãi	A	A	A	B+	D+	3.06	Khá
330	K35M08	501220260	Châu Nhã	My	03/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	C	B+	C+	B+	D+	2.84	Khá
331	K35M08	501220296	Lý Mỹ	Ngân	21/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	A	B+	B	2.73	Khá
332	K35M08	501220308	Võ Nhật Xuân	Nghi	23/11/2004	Tiền Giang	B	A	B	B+	B	2.73	Khá
333	K35M08	501220320	Lê Thị Kim	Ngọc	09/10/2004	Ninh Thuận	B+	A	B	B+	D+	3.06	Khá
334	K35M08	501220344	Phan Thị Thúy	Nhi	01/11/2002	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	B+	3.08	Khá
335	K35M08	501220368	Trần Nguyễn Quỳnh	Như	16/08/2004	Tiền Giang	A	A	C+	B+	D+	2.81	Khá
336	K35M08	501220380	Cao Hoàng Tâm	Như	27/09/2004	Bến Tre	B	A	A	B+	B	2.56	Khá
337	K35M08	501220392	Nguyễn Thị Yến	Như	09/10/2004	Bến Tre	B	A	D+	B+	C	2.72	Khá
338	K35M08	501220415	Đinh Hoàng Yến	Phương	08/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	C	3.29	Giỏi
339	K35M08	501220428	Lê Thị	Phượng	16/10/2001	Thanh Hóa	B	A	A	B+	B	3.17	Khá

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTC 1	Điểm GDTC 2	Điểm GDTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	
340	K35M08	501220440	Lê Thị Trúc	Quyên	27/01/2004	Long An	A	A	B+	B+	B	3.28	Giỏi
341	K35M08	501220452	Trần Thị Hà	Quỳnh	06/10/2004	Lâm Đồng	B	A	C+	B+	B	2.69	Khá
342	K35M08	501220464	Nguyễn Thị Thảo	Sương	15/10/2004	Tiền Giang	B	A	B	B+	C	2.62	Khá
343	K35M08	501220524	Lâm Anh	Thư	11/11/2004	Bình Thuận	A	A	B+	B+	D+	2.77	Khá
344	K35M08	501220548	Nguyễn Thị Thu	Thúy	18/02/2004	Thái Bình	B	A	B+	B	C	2.85	Khá
345	K35M08	501220560	Cao Ngọc	Thy	17/07/2003	An Giang	B+	A	C	B+	C+	2.72	Khá
346	K35M08	501220572	Huỳnh Ngọc	Tiên	30/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	B	2.79	Khá
347	K35M08	501220584	Nguyễn Thị Bích	Trâm	30/10/2004	Đà Nẵng	B	A	B	B+	B	2.72	Khá
348	K35M08	501220596	Hồ Phạm Ngọc	Trân	22/02/2004	Bến Tre	B+	A	A	B+	C	2.88	Khá
349	K35M08	501220624	Lâm Thùy	Trang	05/02/2004	Đà Nẵng	B+	A	A	B+	B	2.90	Khá
350	K35M08	501220656	Trần Thị Bích	Tuyền	22/12/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B+	B	C+	2.79	Khá
351	K35M08	501220701	Kiều Khánh	Vy	07/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B+	B+	B	2.74	Khá
352	K35M08	501220716	Lâm Hoàng	Yến	17/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	C	3.06	Khá
353	K35M09	501220033	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	14/11/2003	Tiền Giang	B	A	B+	B+	C	2.96	Khá
354	K35M09	501220081	Trần Trương Phương	Duyên	18/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C	B+	B+	3.25	Giỏi
355	K35M09	501220129	Trần Mỹ	Hạnh	06/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B	B+	D+	2.73	Khá
356	K35M09	501220141	Võ Thị Thu	Hiên	22/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	A	A	B	B+	D+	2.66	Khá
357	K35M09	501220189	Nguyễn Mai Trúc	Lan	07/07/2004	Đắk Lắk	A	A	B	B+	D+	2.47	Trung bình
358	K35M09	501220211	Nguyễn Hồ Khánh	Linh	23/12/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	B+	B	B+	C+	2.55	Khá
359	K35M09	501220213	Đàm Thị Thùy	Linh	23/08/2004	Bình Phước	B	A	C	B+	B	2.79	Khá
360	K35M09	501220225	Lê Thị Mỹ	Linh	11/12/2004	Bến Tre	B	A	B+	B+	D+	2.63	Khá
361	K35M09	501220261	Trương Thị Đào	My	04/09/2004	Bình Thuận	A	A	B+	B+	C	2.88	Khá
362	K35M09	501220297	Lê Thị Tuyết	Ngân	31/05/2002	Tiền Giang	C+	A	C	B+	C	2.90	Khá
363	K35M09	501220309	Huỳnh Ngọc Xuân	Nghi	08/10/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	D+	B+	C+	2.64	Khá
364	K35M09	501220345	Lê Thị Phương	Nhi	10/12/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	C	2.73	Khá
365	K35M09	501220369	Lê Thị Huỳnh	Như	13/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B	B+	B	2.84	Khá
366	K35M09	501220405	Hồ Thị Kiều	Oanh	16/03/2004	Tiền Giang	B	B+	C	B+	C+	2.61	Khá
367	K35M09	501220429	Trần Thị Kiều	Quy	04/05/2004	Long An	B+	A	B	B+	B	2.73	Khá
368	K35M09	501220441	Bùi Thị Cẩm	Quyên	08/06/2004	Tiền Giang	C	A	C	B+	D+	2.73	Khá
369	K35M09	501220477	Lê Thị Phương	Thanh	09/10/2004	Bình Thuận	B	A	C	B+	C	2.94	Khá
370	K35M09	501220489	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	30/09/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B+	B+	D+	2.73	Khá
371	K35M09	501220513	Lê Anh	Thư	04/03/2004	Bình Thuận	A	A	B	B+	C	2.94	Khá
372	K35M09	501220537	Phạm Thị Kim	Thường	11/06/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	A	B+	B	3.13	Khá
373	K35M09	501220549	Dương Huỳnh Ngọc	Thùy	27/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	C	B+	B	2.67	Khá
374	K35M09	501220561	Phạm Như	Thy	10/02/2004	TP. Hồ Chí Minh	A	A	C	B+	B	2.65	Khá
375	K35M09	501220571	Trần Thị Thuý	Tiên	18/01/2004	Tiền Giang	B	A	C	B+	B+	2.90	Khá
376	K35M09	501220573	Phạm Thị Thùy	Tiên	16/10/2004	Bình Dương	A	A	A	B+	C	2.79	Khá
377	K35M09	501220594	Đặng Hoàng Bảo	Trân	21/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	D+	B+	C+	2.83	Khá
378	K35M09	501220609	Dương Thị Huyền	Trang	01/04/2004	Long An	A	A	B	B	B	2.91	Khá

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTTC 1	Điểm GDTTC 2	Điểm GDTTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
379	K35M09	501220633	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	17/09/2003	Bình Định	B	A	D+	B+	B	2.79	Khá
380	K35M09	501220657	Trần Thanh Tuyền	29/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B	B+	B	2.81	Khá
381	K35M09	501220678	Thang Võ Tú Vân	24/05/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	C+	B+	B	3.14	Khá
382	K35M09	501220693	Đỗ Yến Vy	01/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	B	B+	B+	2.64	Khá
383	K35M10	501210015	Lê Đoàn Văn Anh	28/11/2000	Tiền Giang	A	A	C	B+	B	3.23	Giỏi
384	K35M10	501210101	Thái Thị Đào	05/01/1986	Nghệ An	A	A	B	B+	B	3.29	Giỏi
385	K35M10	501210174	Cù Việt Hà	20/11/2003	Quảng Nam	B+	A	C	B	D+	2.83	Khá
386	K35M10	501210230	Võ Thị Thanh Hiền	28/10/2002	Bình Thuận	A	A	C	B+	B	2.54	Khá
387	K35M10	501210350	Trần Thị Nhã Linh	27/04/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	A	A	A	B+	B	3.12	Khá
388	K35M10	501210357	Nguyễn Thúy Loan	07/02/2002	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C+	B+	B	2.81	Khá
389	K35M10	501210853	Võ Thị Thanh Tuyền	02/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	C	B+	C	2.71	Khá
390	K35M10	501220034	Trần Thị Ngọc Ánh	24/11/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	B+	B+	C	2.93	Khá
391	K35M10	501220058	Lê Thị Hồng Đào	01/06/2003	Long An	A	A	C+	B+	B	2.65	Khá
392	K35M10	501220070	Phạm Thị Hồng Diệu	20/01/2002	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B	B+	B+	2.78	Khá
393	K35M10	501220106	Võ Thị Ngọc Hân	08/12/2004	TP. Hồ Chí Minh	C	A	B	B+	D+	2.74	Khá
394	K35M10	501220142	Hồng Nga Diệu Hiền	05/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B+	B+	D+	3.23	Giỏi
395	K35M10	501220178	Dụng Thị Bích Huyền	07/07/2004	Bình Thuận	B+	A	C+	B+	D+	2.50	Khá
396	K35M10	501220190	Tổng Thị Ngọc Lan	10/01/2004	Hà Nam	A	A	B	B+	B+	2.88	Khá
397	K35M10	501220226	Nguyễn Thị Thùy Linh	01/09/2004	Long An	B	A	C	B+	D+	2.44	Trung bình
398	K35M10	501220230	Nguyễn Thị Mỹ Linh	03/07/2003	Bình Thuận	B	A	B+	B+	B	2.81	Khá
399	K35M10	501220238	Cao Thị Ái Ly	19/02/1999	Khánh Hòa	A	A	B+	B+	B	3.34	Giỏi
400	K35M10	501220274	Ngô Ri Na	12/02/2004	Quảng Ngãi	A	A	B+	B+	D+	2.72	Khá
401	K35M10	501220286	Nguyễn Phương Ngân	04/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	D+	2.62	Khá
402	K35M10	501220310	Nguyễn Thị Bích Ngọc	13/04/2000	Khánh Hòa	B	A	A	A	C	3.57	Giỏi
403	K35M10	501220322	Lương Mỹ Ngọc	26/05/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	C+	B+	C	2.58	Khá
404	K35M10	501220338	Trần Thị Ánh Nguyệt	07/01/2004	Quảng Ngãi	B	A	B	B+	C	2.62	Khá
405	K35M10	501220346	Nguyễn Yến Nhi	24/12/2002	Bến Tre	B+	A	B+	B+	C	2.92	Khá
406	K35M10	501220351	Huỳnh Thị Ngọc Nhi	02/06/2004	Long An	B	A	C+	B+	D+	2.75	Khá
407	K35M10	501220370	Lê Thị Huỳnh Như	06/09/2001	Long An	A	B+	C	B+	B	3.58	Giỏi
408	K35M10	501220396	Lê Thị Cẩm Nhung	31/10/2004	Bến Tre	B+	B+	C	B+	C	3.10	Khá
409	K35M10	501220406	Nguyễn Thị Kim Oanh	26/04/2002	Nghệ An	A	B+	A	B+	B	3.52	Giỏi
410	K35M10	501220430	Trần Thị Xuân Quy	15/08/2004	Gia Lai	B+	B+	C	B+	C+	2.85	Khá
411	K35M10	501220431	Đặng Thị Minh Quy	27/07/2004	Bình Thuận	B+	A	C+	B+	C	2.69	Khá
412	K35M10	501220499	Nguyễn Thị Ngọc Thiện	01/08/2004	Bình Thuận	C+	B+	B	B+	D+	2.45	Trung bình
413	K35M10	501220502	Hoàng Thị Thơ	03/10/2003	Bà Rịa - Vũng Tàu	A	A	B	B+	C+	2.95	Khá
414	K35M10	501220550	Nguyễn Trần Minh Thùy	13/08/2004	Bến Tre	C+	B+	C+	B+	B	2.66	Khá
415	K35M10	501220598	Tô Thị Hồng Trân	20/12/2004	Long An	C+	A	B+	B+	B	2.88	Khá
416	K35M10	501220610	Lê Nguyễn Thu Trang	15/06/2004	Bến Tre	A	A	A	B+	B	2.54	Khá
417	K35M10	501220622	Ngô Thị Thùy Trang	24/01/2004	Long An	B+	A	A	B+	C	2.92	Khá

STT	Lớp	Mã SV	Họ và	tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTTC 1	Điểm GDTTC 2	Điểm GDTTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
418	K35M10	501220634	Huỳnh Thị Nhã	Trinh	16/11/2004	Bến Tre	B+	B+	B	B+	B	3.07	Khá
419	K35M10	501220718	Đinh Thị Hải	Yến	05/09/2003	Hà Tĩnh	B+	B+	C	B+	B+	3.31	Giỏi
420	K35M11	501220017	Lưu Thị Phương	Anh	16/12/2003	Vĩnh Long	B	A	A	B+	B	2.53	Khá
421	K35M11	501220023	Phạm Hà Phương	Anh	22/07/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	A	B+	D+	2.99	Khá
422	K35M11	501220035	Đỗ Thị Kim	Ánh	25/04/2004	Thanh Hóa	B+	A	B	B+	D+	2.66	Khá
423	K35M11	501220059	Lê Nguyễn Hồng	Đào	26/03/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	B	3.06	Khá
424	K35M11	501220071	Phạm Thị Hồng	Diệu	11/04/2004	Bến Tre	A	A	C+	B+	C	2.56	Khá
425	K35M11	501220083	Nguyễn Thị Mộng	Duyên	01/01/2003	Hậu Giang	B	A	A	B+	D+	2.82	Khá
426	K35M11	501220128	Nguyễn Thanh	Hằng	09/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	B+	C	B+	B	2.58	Khá
427	K35M11	501220143	Nguyễn A	Hiền	21/02/2004	Bến Tre	B+	A	C+	B+	D+	2.66	Khá
428	K35M11	501220167	Phan Thị Diễm	Hương	18/06/2004	Long An	B	A	C+	B+	B	2.44	Trung bình
429	K35M11	501220179	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	02/11/2003	Hung Yên	B	A	B	B+	D+	2.87	Khá
430	K35M11	501220227	Phạm Thị Hiếu	Linh	27/03/2002	Kiên Giang	B	A	B+	B+	D+	2.70	Khá
431	K35M11	501220251	Phạm Thị Tuyết	Mai	03/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C+	B+	B	2.62	Khá
432	K35M11	501220299	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	03/02/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B	D+	2.50	Khá
433	K35M11	501220311	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	09/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B+	D+	2.67	Khá
434	K35M11	501220347	Nguyễn Thị Yến	Nhi	07/08/2004	Bình Thuận	A	A	B	B+	C	2.66	Khá
435	K35M11	501220352	Trần Thị Yến	Nhi	29/07/2002	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	B+	B+	D+	2.72	Khá
436	K35M11	501220355	Huỳnh Thị Khánh	Nhi	22/07/2000	Bình Thuận	B+	A	B	B	D+	2.91	Khá
437	K35M11	501220371	Nguyễn Huỳnh	Như	13/10/2004	Kiên Giang	A	A	B	B	C+	2.90	Khá
438	K35M11	501220381	Nguyễn Triệu Linh	Như	31/01/2004	Tiền Giang	B+	A	B	B+	B	2.78	Khá
439	K35M11	501220383	Lê Quỳnh	Như	21/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C+	B+	B	2.94	Khá
440	K35M11	501220395	Trương Đỗ Phi	Nhung	10/11/2002	Tiền Giang	A	A	C+	B+	B	3.24	Giỏi
441	K35M11	501220443	Lê Nguyễn Hoàng	Quỳnh	14/03/2004	Tiền Giang	B	A	C+	B+	C	2.56	Khá
442	K35M11	501220455	Lê Yến	Quỳnh	21/10/2003	Hà Tĩnh	B+	A	D+	B+	D+	2.40	Trung bình
443	K35M11	501220467	Phạm Thị Thanh	Tâm	20/10/2004	Ninh Bình	C	A	D+	B+	C	2.18	Trung bình
444	K35M11	501220503	Phạm Thị Thi	Thơ	10/12/1990	Đồng Nai	A	A	A	B+	D+	3.52	Giỏi
445	K35M11	501220527	Nguyễn Thị Minh	Thư	28/03/2004	Trà Vinh	B	A	B+	B+	B	2.74	Khá
446	K35M11	501220551	Lê Kim	Thủy	12/01/2004	Bến Tre	A	A	B	B	C+	2.54	Khá
447	K35M11	501220563	Nguyễn Thị Giáng	Tiên	18/11/2000	Đắk Nông	A	A	C+	B+	B	2.84	Khá
448	K35M11	501220587	Nguyễn Ngọc	Trâm	29/10/2004	Tiền Giang	B+	A	B+	B+	C	2.70	Khá
449	K35M11	501220611	Nguyễn Thị Thủy	Trang	06/06/2004	Bình Phước	A	A	A	B+	D+	2.75	Khá
450	K35M11	501220623	Phan Thị Quỳnh	Trang	29/12/2004	Đắk Lắk	A	A	A	B+	B	2.54	Khá
451	K35M11	501220635	Võ Thị Thu	Trinh	27/05/2004	Bến Tre	A	A	C+	B+	B	2.54	Khá
452	K35M11	501220659	Nguyễn Thanh	Tuyền	18/06/2004	Bến Tre	B+	A	B	B+	B	2.75	Khá
453	K35M11	501220662	Huỳnh Lê Mộng	Tuyền	16/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	B+	2.70	Khá
454	K35M11	501220671	Nguyễn Phương	Uyên	16/05/2004	Đồng Nai	A	A	B+	B	B	2.68	Khá
455	K35M11	501220683	Nguyễn Thị Ái	Vi	24/12/2001	Hà Nội	B+	A	C+	B	C	2.24	Trung bình
456	K35M11	501220695	Nguyễn Thị Thuý	Vy	11/12/2004	Bình Thuận	B+	A	B+	B+	C	2.82	Khá

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTTC 1	Điểm GDTTC 2	Điểm GDTTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
457	K35M11	501220699	Nguyễn Thị Kiều Vy	13/06/2004	Long An	B+	A	B	B+	D+	2.39	Trung bình
458	K35M11	501220707	Cam Triệu Vy	14/12/1999	Tiền Giang	B+	A	A	B+	B	2.68	Khá
459	K35M11	501220719	Trần Phi Yên	10/01/2003	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	D+	B+	B	2.81	Khá
460	K35M11	501220724	Đặng Thị Tuyết Duyên	07/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	C	2.54	Khá
461	K35M11	501220736	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	07/11/2004	Lâm Đồng	B+	A	C	B+	B	3.08	Khá
462	K35M11	501220740	Lê Thị Trang	10/12/2004	Hà Tĩnh	A	A	A	B+	B	3.08	Khá
463	K35M11	501220741	Nguyễn Hà Vy	18/06/2004	Thanh Hóa	B+	A	B	B+	B	2.96	Khá
464	K35M11	501220742	Phan Thuỵ Thanh Vy	14/04/2004	Bến Tre	A	A	B+	B+	B	2.73	Khá
465	K35M11	501220744	Nguyễn Ngọc Như Ý	26/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B+	B+	C	2.73	Khá
466	K35M12	501210239	Lê Thị Thu Hoài	11/10/2003	Bến Tre	B+	B+	B	B+	B	2.78	Khá
467	K35M12	501220048	Nguyễn Phạm Ngọc Châu	11/08/2003	TP. Hồ Chí Minh	A	A	A	B+	B	2.79	Khá
468	K35M12	501220060	Nguyễn Phạm Anh Đào	18/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C	B+	B	2.81	Khá
469	K35M12	501220062	Nguyễn Thị Diễm	10/02/2004	Đồng Nai	C+	A	D+	B	D+	2.62	Khá
470	K35M12	501220072	Bùi Thị Đức	10/02/2004	Đắk Lắk	B	A	D+	B	D+	2.47	Trung bình
471	K35M12	501220084	Trần Thị Kiều Duyên	05/01/2004	Bến Tre	B+	A	B+	B+	B	2.93	Khá
472	K35M12	501220108	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	11/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B+	B+	B	2.62	Khá
473	K35M12	501220120	Nguyễn Đỗ Thanh Hằng	02/04/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	B	B+	B	2.68	Khá
474	K35M12	501220144	Nguyễn Thị Thanh Hiền	04/07/2004	Nam Định	B	A	A	B+	D+	2.88	Khá
475	K35M12	501220180	Lê Thị Mỹ Huyền	23/05/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C	B	D+	2.89	Khá
476	K35M12	501220204	Trương Thị Mỹ Linh	08/08/2004	Bến Tre	A	A	B	B	D+	2.21	Trung bình
477	K35M12	501220228	Nguyễn Thị Thùy Linh	13/11/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C+	B	B+	2.74	Khá
478	K35M12	501220245	Phan Huỳnh Mai	23/05/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C+	B+	D+	2.86	Khá
479	K35M12	501220252	Nguyễn Thúy Hạnh Mai	16/10/2004	Lâm Đồng	A	B+	C+	B+	C	2.73	Khá
480	K35M12	501220264	Nguyễn Thị Hà My	02/05/2004	Bình Thuận	B	A	B	B+	C+	2.53	Khá
481	K35M12	501220300	Huỳnh Thị Kim Ngân	02/11/2004	Tiền Giang	B	A	D+	B+	D+	2.63	Khá
482	K35M12	501220327	Trương Thị Hồng Ngọc	11/08/2004	Long An	B+	A	A	B+	D+	3.10	Khá
483	K35M12	501220348	Trần Thị Thảo Nhi	22/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	C	B	C	2.09	Trung bình
484	K35M12	501220360	Nguyễn Thị Hào Nhi	11/08/2004	Tiền Giang	B+	A	B	B+	D+	2.87	Khá
485	K35M12	501220363	Hoàng Đặng Phương Nhi	16/09/2004	Gia Lai	C+	A	C	B+	D+	2.52	Khá
486	K35M12	501220384	Phan Huỳnh Như	23/05/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C	B+	C	2.96	Khá
487	K35M12	501220456	Nguyễn Như Quỳnh	30/07/2004	Tiền Giang	B+	A	C+	B+	B	3.03	Khá
488	K35M12	501220465	Đặng Thị Băng Tâm	01/01/2004	Đồng Nai	C+	A	B+	B+	D+	2.98	Khá
489	K35M12	501220468	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	07/11/2004	Đồng Tháp	B	A	D+	B+	C	2.64	Khá
490	K35M12	501220479	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	02/06/2004	TP. Hồ Chí Minh	C+	A	C+	B+	C	2.87	Khá
491	K35M12	501220504	Võ Thị Kim Thơ	07/10/2004	Tiền Giang	A	A	C	B+	D+	3.11	Khá
492	K35M12	501220528	Nguyễn Thị Minh Thư	12/08/1998	Khánh Hòa	A	A	A	A	B+	3.45	Giỏi
493	K35M12	501220540	Lê Thị Thu Thuỷ	02/02/1990	Bình Định	B+	A	A	B+	B+	3.46	Giỏi
494	K35M12	501220552	Cao Thị Phương Thùy	29/01/2004	TP. Hồ Chí Minh	B+	A	A	B+	C	2.91	Khá
495	K35M12	501220558	Lê Đỗ Ngọc Thùy	11/11/2004	Tiền Giang	B	A	A	B+	B	2.97	Khá

STT	Lớp	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm GDTC 1	Điểm GDTC 2	Điểm GDTC 3	Điểm GDQP - AN	Điểm thi tốt nghiệp môn lý luận chính trị	Điểm xét XLTN	Xếp loại tốt nghiệp
496	K35M12	501220588	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	15/09/2004	Long An	B+	A	A	B+	B+	2.87	Khá
497	K35M12	501220600	Lê Huỳnh Bảo Trân	18/01/2003	Đồng Nai	B	A	B+	B+	B	2.83	Khá
498	K35M12	501220636	Lượng Thị Mộng Trinh	06/06/2004	Long An	C+	A	B+	B+	B	3.28	Giỏi
499	K35M12	501220672	Nguyễn Trần Tú Uyên	17/06/2004	Bình Dương	C+	A	C	B+	B	2.44	Trung bình
500	K35M12	501220720	Phùng Lê Hải Yến	17/04/2003	TP. Hồ Chí Minh	B	A	B+	B+	B	2.21	Trung bình

Danh sách có: 500 sinh viên

Thông kê xếp loại TN

Xuất sắc	2	0.4%
Giỏi	51	10.2%
Khá	379	75.8%
Trung bình	68	13.6%
Tổng	500	



ĐÀO